TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Kha

2. Ông Nguyễn Văn Được

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Đào Hùng Thái – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Huyền T – SN: 1986;
- **Bị đơn**: Ông Võ Ngọc H – SN: 1977;

Cùng trú tại: Khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

(*Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau không ai ép buộc, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cải nhau, bà T và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà T và ông H có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 và Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011.

Bà T yêu cầu được nuôi con chung Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011; Giao con chung Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 12 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Ngọc H trình bày.

Ông thống nhất và đồng ý như lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng hiện nay. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà T, do ông còn yêu thương bà T, ông mong muốn bà T rút đơn về để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà T có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 và Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011.

Trường hợp bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông và không rút đơn thì ông H yêu cầu được nuôi con chung Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009; giao con chung Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011 cho bà T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:* Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Nguyễn Thị Huyền T đứng đơn khởi kiện, bị đơn ông Võ Ngọc H trú tại khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, vào ngày 22 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T và bị đơn ông Võ Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và ông H và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T và ông H kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H*; Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà T và ông H đều thừa nhận từ khi ông bà ở với nhau thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cải nhau, bà T và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Bản thân ông H không đồng ý ly hôn với bà T nhưng ông không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, mặt khác bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn

giữa bà T và ông H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không được duy trì nên Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[5]. *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà T và ông H có 02 người con chung là cháu Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 và Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T yêu cầu được nuôi con chung Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011; Giao con chung Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ việc thì bị đơn ông H cũng thống nhất nếu bà T cương quyết ly hôn với ông thì về vấn đề nuôi con ông cũng đồng ý giao con chung là Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011 cho bà T nuôi dưỡng còn ông yêu cầu được nuôi con chung Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do ý kiến và yêu cầu của ông H thống nhất với yêu cầu của bà T. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu được nuôi con chung Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011; Giao con chung Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T về việc "*Tranh chấp ly hôn"*

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Võ Ngọc H (Bà T và ông H kết hôn ngày 29 tháng 7 năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Võ Nguyễn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2009 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Không

ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004690 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- UBND phường T, TP. Đ, T. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Hoàng Hữu Bình